TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HN-ST
Ngày: 20/5/2022
V/v "*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Ông Huỳnh Hữu Phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2022 về việc "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Kim N, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn L, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2021, biên bản hòa giải ngày 18/4/2022 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/5/2022, chị Dương Thị Kim N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn L cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/5/2012, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên uống rượu bia và có nhiều cử chỉ xúc phạm chị, cha mẹ chị làm cho vợ chồng sống không còn hạnh phúc nữa. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị cũng có ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không kết quả nên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Nay chị không còn tình cảm với anh L và nhận thấy

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên là Võ Văn L1, sinh ngày 05/3/2013 và Võ Hồng L2, sinh ngày 20/5/2015. Nay ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L2 và để cháu L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2022, biên bản hòa giải ngày 18/4/2022 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/5/2022, anh Võ Văn L trình bày*:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian anh và chị N cưới nhau, nơi đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh. Tuy nhiên, anh muốn có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý là anh và chị N có 02 con chung tên Võ Văn L1, sinh ngày 05/3/2013 và Võ Hồng L2, sinh ngày 20/5/2015. Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N thì con muốn sống với anh hay chị N thì người đó nuôi và bên không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Kim N đối với anh Võ Văn L. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu L2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Dương Thị Kim N và anh Võ Văn L vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và

anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Kim N và anh Võ Văn L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và anh L sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh L uống rượu bia không lo cho gia đình mà còn chửi, đánh đập chị N làm cho vợ chồng sống không còn hạnh phúc nữa. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhiều lần nhưng vẫn không kết quả nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Mặt khác, tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh L và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Tuy anh L không đồng ý ly hôn và mong muốn có cơ hội hàn gắn nhưng đã được Tòa án cho thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng và kết quả vẫn không hàn gắn được. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh L là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Võ Văn L1, sinh ngày 05/3/2013 và Võ Hồng L2, sinh ngày 20/5/2015; Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản lấy ý kiến của Tòa án đối với cháu L1, cháu L2 thì cháu L1 có nguyện vọng sống với cha, cháu L2 có nguyện vọng sống với mẹ. Đồng thời tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của chị N và anh L đều thể hiện ý kiến để các con chung muốn sống với anh hay chị thì anh hay chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu L2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và để cháu L1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Ghi nhận chị N, anh L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Dương Thị Kim N có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Kim N

đối với anh Võ Văn L.

2. Về con chung: Anh Võ Văn L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Văn L1, sinh ngày 05/3/2013. Chị Dương Thị Kim N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Hồng L2, sinh ngày 20/5/2015 (phù hợp với biên bản lấy ý kiến của Tòa án là cháu L1 có nguyện vọng sống với cha; còn cháu L2 có nguyện vọng sống với mẹ). Ghi nhận sự tự nguyện của anh L, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Dương Thị Kim N có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003670 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Dương Thị Kim N, anh Võ Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Chí Vũ